

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thành phố Hoa Lư**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4559/TTr-SXD ngày 25 tháng 6 năm 2025 và kết quả thẩm định của Sở tại Công văn số 4548/SXD-TĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thành phố Hoa Lư với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án:** Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thành phố Hoa Lư.
- Địa điểm xây dựng:** Phường Ninh Khánh, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
- Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Chủ đầu tư:** Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình.
- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; tổ chức lập khảo sát xây dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở; tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

*a) Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, lập thiết kế cơ sở dự án*

- Nhà thầu chính: Liên danh Công ty CP tư vấn kiến trúc đô thị Hà Nội - Công ty cổ phần A-Design Việt Nam.

- Nhà thầu phụ: Công ty CP xây dựng HPA Việt Nam.

b) *Tổ chức tư vấn khảo sát địa hình*: Công ty Cổ phần Xây dựng kiến trúc công trình giao thông.

c) *Tổ chức tư vấn khảo sát địa chất*: Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật, trường Đại học Mở địa chất.

d) *Tổ chức tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*: Văn phòng tư vấn và chuyển giao công nghệ Xây dựng. Nhà thầu phụ: Công ty TNHH Cơ điện và phòng cháy chữa cháy Thành Nam.

## **6. Loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:**

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở, nhóm B.
- Loại, cấp công trình chính: Công trình dân dụng, cấp I.
- Thời hạn phục vụ theo thiết kế của công trình chính theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho dự án.

## **7. Mục tiêu dự án**

- Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ người dân có nhu cầu nhà ở; tạo môi trường sống thuận lợi, tiện nghi, đáp ứng các tiêu chí phát triển và nâng cấp đô thị.

- Phát triển quỹ đất phục vụ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội trong và ngoài khu vực theo quy định của pháp luật. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kết nối đồng bộ.

- Hình thành khu chung cư cao tầng đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo hướng phát triển xanh, sử dụng tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững, phát thải các-bon thấp, bảo vệ môi trường, phù hợp với cảnh quan môi trường khu vực trung tâm đô thị, hài hòa với không gian cảnh quan và văn hóa địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo điểm nhấn về phát triển nhà ở thông qua cụ thể hóa quy hoạch được duyệt, tạo cơ hội về nhà ở, hạ tầng xã hội cho người dân và các nhà đầu tư khác; đồng thời tạo môi trường bất động sản minh bạch. Thúc đẩy quá trình đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững.

**8. Quy mô đầu tư xây dựng:** Xây dựng 02 khu nhà ở (*gồm Khu nhà ở xã hội và Khu nhà ở thương mại*), hệ thống giao thông, cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác đồng bộ, cụ thể như sau:

### **8.1. Khu nhà ở xã hội**

#### **8.1.1. Giải pháp kiến trúc**

- Xây dựng 02 cụm nhà chung cư CTA (*bao gồm 03 khối CT1A, CT2A, CT3A*) và CTB (*bao gồm 3 khối CT1B, CT2B, CT3B*). Mỗi khối cụm nhà chung cư có quy mô 01 tầng hầm và 15 tầng nổi; diện tích xây dựng tầng hầm là 7.835 m<sup>2</sup>.

- Các khối chung cư CT1A, CT3A, CT1B, CT3B:

+ Tầng 01 diện tích 1.324,5 m<sup>2</sup>, bố trí 13 căn hộ.

+ Từ tầng 02 đến tầng 15, mỗi tầng diện tích 1.304,5 m<sup>2</sup> bố trí 15 căn hộ. và các phòng kỹ thuật, khu vệ sinh, cầu thang và hành lang.

+ Tầng Tum diện tích 160 m<sup>2</sup>, bố trí 01 phòng kỹ thuật điện; 01 phòng kỹ thuật nước; khu vực bể bồn chứa nước sinh hoạt.

- Khối chung cư CT2A:

+ Tầng 01 diện tích 1.100,5 m<sup>2</sup> bố trí 10 căn hộ.

+ Tầng 02 diện tích 1.100,5 m<sup>2</sup>, bố trí không gian sinh hoạt cộng đồng, phòng ban quản lý.

+ Tầng 03 đến tầng 15, mỗi tầng có diện tích 1.088,4 m<sup>2</sup> bố trí 13 căn hộ và các phòng kỹ thuật, khu vệ sinh, cầu thang và hành lang.

+ Tầng Tum diện tích 147 m<sup>2</sup>, bố trí 01 phòng kỹ thuật điện; 01 phòng kỹ thuật nước; khu vực bể bồn chứa nước sinh hoạt.

- Khối chung cư CT2B:

+ Tầng 01 diện tích 1.100,5 m<sup>2</sup> bố trí 10 căn hộ.

+ Tầng 02 diện tích 1.100,5 m<sup>2</sup>, bố trí không gian nhà trẻ.

+ Tầng 03 đến tầng 15, mỗi tầng có diện tích 1.088,4 m<sup>2</sup> bố trí 13 căn hộ.

+ Không gian phụ trợ bao gồm các phòng kỹ thuật, khu vệ sinh, cầu thang và hành lang. Tầng Tum bố trí 01 phòng kỹ thuật điện; 01 phòng kỹ thuật nước; khu vực bể bồn chứa nước sinh hoạt.

#### 8.1.2. Giải pháp kết cấu

- Phần móng: Sử dụng móng cọc đài thấp, cọc khoan nhồi với chiều dài cọc dự kiến 55 m.

- Phần thân: Sử dụng kết cấu dầm sàn bê tông cốt thép toàn khối; vách bê tông cốt thép. Tường bao, tường khu vệ sinh xây gạch đặc tuynel; tường ngăn, tường thu hồi xây gạch rỗng không nung.

#### 8.1.3. Giải pháp kỹ thuật khác

- Hệ thống gờ chỉ, phào trần trát vữa xi măng mác 100.

- Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ định hình.

- Hệ thống chống sét của công trình bố trí tại khối nhà CT1A, CT3A.

- Điện chiếu sáng, thông gió trong nhà: Nguồn điện lấy từ trạm biến áp của dự án. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp đèn. Thông gió tự nhiên kết hợp với điều hòa và quạt.

- Cấp, thoát nước: Nước lấy từ bể nước ngầm bơm lên bể Inox trên mái. Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ qua bể tự hoại qua hệ thống xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường bên ngoài. Nước mưa từ mái được thu gom qua hệ thống ống và thoát ra hệ thống thoát nước chung.

## 8.2. Khu nhà ở thương mại

### 8.2.1. Giải pháp kiến trúc

Xây dựng khối nhà chung cư CTM có quy mô 02 tầng hầm và 15 tầng nổi:

- Tầng hầm 01: Diện tích 4.396,9 m<sup>2</sup>; tầng hầm 02 diện tích 3.924,7m<sup>2</sup> bố trí không gian để xe, các phòng kỹ thuật, cầu thang, hành lang, phụ trợ.

- Tầng 01: Diện tích 2.784,5 m<sup>2</sup>, bố trí 28 căn Shophouse, không gian sinh hoạt cộng đồng.

- + Từ tầng 02 đến tầng 12, mỗi tầng có diện tích 2.753,6 m<sup>2</sup>, bố trí mỗi tầng 24 căn hộ.

- + Tầng 13 diện tích 2.667,8 m<sup>2</sup>, bố trí 20 căn hộ, 02 vườn treo.

- + Tầng 14 diện tích 2.626,6 m<sup>2</sup>, bố trí 20 căn hộ, 02 vườn treo.

- + Tầng 15 diện tích 2.585,5 m<sup>2</sup>, bố trí 20 căn hộ, 02 vườn treo.

- + Không gian phụ trợ bao gồm các phòng kỹ thuật, khu vệ sinh, cầu thang và hành lang. Tầng Tum diện tích 262 m<sup>2</sup>, bố trí 02 phòng kỹ thuật điện; 02 phòng kỹ thuật nước; khu vực bể bồn chứa nước sinh hoạt.

### 8.2.2 Giải pháp kết cấu

- Phần móng: Sử dụng móng cọc đài thấp, cọc khoan nhồi chiều dài cọc dự kiến 55 m.

- Phần thân: Kết cấu dầm sàn bê tông cốt thép toàn khối; vách bê tông cốt thép. Tường bao, tường khu vệ sinh xây gạch đặc tuynel; tường ngăn, tường thu hồi xây gạch rỗng không nung.

### 8.2.3 Giải pháp kỹ thuật khác

- Hệ thống gờ chỉ, phào trần trát vữa xi măng mác 100.

- Cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm hệ định hình.

- Hệ thống chống sét được bố trí theo quy định.

- Điện chiếu sáng, thông gió trong nhà: Nguồn điện lấy từ trạm biến áp của dự án. Chiếu sáng bằng ánh sáng tự nhiên kết hợp đèn. Thông gió tự nhiên kết hợp với điều hòa và quạt.

- Cấp, thoát nước: Nước lấy từ bể nước ngầm bơm lên bể Inox trên mái. Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ qua bể tự hoại qua hệ thống xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường bên ngoài. Nước mưa từ mái được thu gom qua hệ thống ống và thoát ra hệ thống thoát nước chung.

8.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Thiết kế đồng bộ theo quy hoạch.

**9. Bản vẽ thiết kế cơ sở:** Được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

## 10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Khảo sát xây dựng

| TT | Tên tiêu chuẩn                                                    | Ký hiệu          |
|----|-------------------------------------------------------------------|------------------|
| 1  | Công tác trắc địa trong XDCT - Yêu cầu chung                      | TCVN 9398: 2012  |
| 2  | Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình       | TCVN 9401: 2024  |
| 3  | Tiêu chuẩn khoan thăm dò địa chất công trình                      | TCVN 9437 - 2012 |
| 3  | Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu | 41 : 2022/TCĐBVN |
| 4  | Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát                                  | 31 : 2020/TCĐBVN |

b) Tiêu chuẩn thiết kế công trình dân dụng

| TT | Tên tiêu chuẩn                                                                               | Ký hiệu                                      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng | QCVN 10:2024                                 |
| 2  | Nhà chung cư                                                                                 | QCVN 04:2021                                 |
| 3  | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình                            | QCVN 06:2022/BXD; Sửa đổi 1 QCVN 06:2022/BXD |
| 4  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng                                            | QCVN 01:2021                                 |
| 5  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gara ô tô                                                     | QCVN 13:2018/BXD                             |
| 6  | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Trạm bơm cấp nước chữa cháy                                   | QCVN 02:2020/BCA                             |
| 7  | Căn hộ ở - Tiêu chuẩn thiết kế                                                               | TCVN 4450 : 2020                             |
| 8  | Nhà và công trình công cộng - nguyên tắc cơ bản để thiết kế                                  | TCVN 4319 : 2012                             |
| 9  | Thiết kế công trình chịu động đất                                                            | TCVN 9386 : 2012                             |
| 10 | Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế                                                | TCVN 5574:2018                               |

| <b>TT</b> | <b>Tên tiêu chuẩn</b>                                                                             | <b>Ký hiệu</b>        |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 11        | Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                | TCVN 5575:2024        |
| 12        | Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế                                                       | TCVN 2737 : 2023      |
| 13        | Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế                                         | TCVN 5573 : 2011      |
| 14        | Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                    | TCVN 10304 : 2014     |
| 15        | Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình                                                         | TCVN 9362 : 2012      |
| 16        | Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí                      | TCVN 3890 : 2023      |
| 17        | Hệ thống báo cháy – Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình        | TCVN 7568-14 : 2025   |
| 18        | Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt    | TCVN 7336 : 2021      |
| 19        | Phòng cháy chữa cháy-Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn. Yêu cầu thiết kế, lắp đặt | TCVN 13456 : 2022     |
| 20        | Phòng cháy chữa cháy hệ thống Sprinkler tự động (phần 1, phần 2)                                  | TCVN 6305 – 1,2: 2007 |
| 21        | Thông gió và điều hòa không khí- Tiêu chuẩn thiết kế                                              | TCVN 5687 : 2024      |

*c) Tiêu chuẩn thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật*

| <b>TT</b> | <b>Tên tiêu chuẩn</b>                                              | <b>Ký hiệu</b>       |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1         | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật        | QCVN 07:2023         |
| 2         | Tiêu chuẩn Quốc gia thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài | TCVN 7957-2023       |
| 3         | Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình   | TCVN 13606:2023      |
| 4         | Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế                                    | TCVN 13592 - 2022    |
| 5         | Đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế                                   | TCVN 4054-2005       |
| 6         | Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế                     | TCCS 38: 2022/TCĐBVN |

| TT | Tên tiêu chuẩn                                                                                | Ký hiệu             |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 7  | Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu                                 | TCVN 13567-2022     |
| 8  | Lớp móng CPDD trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu                  | TCVN 8859-2023      |
| 9  | Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế                   | TCVN 9257:2012      |
| 10 | Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế | TCVN 13608:2023     |
| 11 | Hệ thống lắp đặt điện hạ áp                                                                   | TCVN 7447-4-43:2010 |

*d) Các Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan.*

**11. Tổng mức đầu tư:** 1.976.450.000.000 đồng (*Một ngàn chín trăm bảy mươi sáu tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng: 1.442.957.000.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 117.024.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 15.898.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn: 54.244.000.000 đồng;
- Chi phí khác: 66.290.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 213.909.000.000 đồng;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng: 66.128.000.000 đồng.

## **12. Tiến độ thực hiện dự án, phân kỳ đầu tư**

*a) Tiến độ thực hiện dự án: Năm (2025÷2030).*

*b) Phân kỳ đầu tư*

- Quý IV năm 2025 đến Quý IV năm 2027: Khởi công giai đoạn 01, triển khai xây dựng toàn bộ hạ tầng kỹ thuật của dự án và 03 khối chung cư nhà ở xã hội từ CT1A đến CT3A, bao gồm 625 căn hộ chung cư, không gian sinh hoạt cộng đồng và khu vực quản lý; đưa giai đoạn 01 vào sử dụng.

- Quý IV năm 2026 đến Quý IV năm 2028: Khởi công giai đoạn 02 với 03 khối chung cư nhà ở xã hội từ CT1B đến CT3B, bao gồm 625 căn hộ chung cư, không gian nhà trẻ; đưa giai đoạn 02 vào sử dụng.

- Quý I năm 2029 đến Quý IV năm 2030: Khởi công giai đoạn 03, xây dựng 01 khối nhà ở thương mại, bao gồm 352 căn hộ, không gian sinh hoạt cộng đồng và khu vực quản lý; hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng toàn bộ dự án.

c) *Thời hạn hoạt động của dự án*: 50 năm kể từ ngày quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

**13. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn góp của Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Bình, vốn vay từ các tổ chức tín dụng và vốn huy động từ việc bán căn hộ, trong đó:

a) *Vốn góp của nhà đầu tư*: 395.289.977.000 đồng.

b) *Vốn huy động*: 1.581.159.988.000 đồng, bao gồm:

- Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 192.173.756.125 đồng.

- Vốn huy động việc bán căn hộ: 1.388.986.231.875 đồng.

c) *Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án*: Do Nhà đầu tư bố trí theo tiến độ phân kỳ đầu tư của dự án.

**14. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

**15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

- Diện tích đất sử dụng: 50.514 m<sup>2</sup>.

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Thực hiện hoàn chỉnh công tác giải phóng mặt bằng trên phạm vi toàn bộ dự án, hoàn trả các công trình bị ảnh hưởng theo quy định.

- Phương án giải phóng mặt bằng: Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hoa Lư tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo Quyết định phê duyệt này và ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 4548/SXD-TĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025; triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng; thực hiện đóng dấu phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định; trong bước thiết kế bản vẽ thi công, chỉ đạo đơn vị tư vấn tính toán đầy đủ, kỹ lưỡng thiết kế và dự toán, lựa chọn giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, định mức, đơn giá phù hợp, cân bằng đào - đắp hợp lý để tận dụng tối đa khối lượng đất đào (*nếu có*), đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm kinh phí, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; chỉ được thi công theo đúng tiến độ bố trí vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hoa Lư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Phòng Giao dịch số 11 - KBNN khu vực IV;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP,  
các PCVP và các VP: 2,3,5,6;
- Lưu: VT, VP4.

nt\_VP4\_06.04..QĐnns

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Cao Sơn**